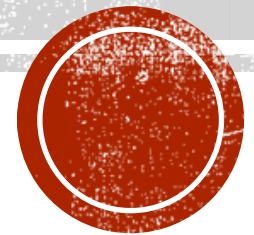
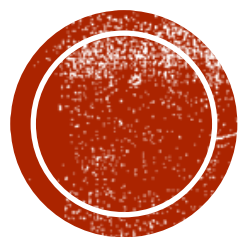


HTML VÀ CSS

02 – liên kết, danh sách, bảng





LIÊN KẾT

NHẮC LẠI

- Thẻ `<a>` thường có thuộc tính `href` để xác định URL của trang mà liên kết sẽ dẫn đến.

```
<a href="https://www.example.com">Đây là một liên kết</a>
```

Thuộc tính bổ sung:

- **target:** Xác định nơi mở liên kết. Giá trị phổ biến là `_blank` để mở liên kết trong tab mới.
- **title:** Cung cấp thông tin thêm khi người dùng di chuột qua liên kết.



TARGET

- **_self**: Đây là giá trị mặc định. Liên kết sẽ mở trong cùng một khung hoặc cửa sổ.

```
<a href="https://www.example.com" target="_self">Mở trong cùng một khung</a>
```

- **_blank**: Liên kết sẽ mở trong một tab hoặc cửa sổ mới.

```
<a href="https://www.example.com" target="_blank">Mở trong tab mới</a>
```



TARGET

- **_parent**: Liên kết sẽ mở trong khung cha của khung hiện tại. Nếu không có khung cha, liên kết sẽ mở trong cùng một khung.

```
<a href="https://www.example.com" target="_parent">Mở trong khung cha</a>
```

- **_top**: Liên kết sẽ mở trong toàn bộ cửa sổ trình duyệt, loại bỏ tất cả các khung.

```
<a href="https://www.example.com" target="_top">Mở trong toàn bộ cửa sổ</a>
```



TARGET

```
<!DOCTYPE html>
<html lang="en">
<head>
  <meta charset="UTF-8">
  <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
  <title>Ví dụ target khung được đặt tên</title>
</head>
<body>
  <iframe src="content.html" name="contentFrame" style="width: 100%; height:
300px;"></iframe>
  <a href="https://www.example.com" target="contentFrame">Mở Example trong khung
contentFrame</a>
</body>
</html>
```

TITLE

- **Cải thiện trải nghiệm người dùng:** Khi người dùng di chuột qua liên kết, một hộp thoại nhỏ (tooltip) sẽ xuất hiện, cung cấp thêm thông tin về liên kết.
- **Khả năng truy cập:** Thuộc tính title có thể giúp người dùng sử dụng công nghệ hỗ trợ hiểu rõ hơn về liên kết.
- **SEO:** Mặc dù không có tác động lớn, nhưng thuộc tính title có thể cung cấp thêm ngữ cảnh cho các công cụ tìm kiếm.



TITLE

```
<!DOCTYPE html>
<html lang="en">
<head>
  <meta charset="UTF-8">
  <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
  <title>Document</title>
</head>
<body>
  <a href="https://www.example.com" title="Mở trang Example">Liên kết với thuộc tính
title</a>
</body>
</html>
```



VÍ DỤ

```
<!-- Liên kết -->  
<a href="#section1">Đi đến phần 1</a>  
  
<!-- Phần được liên kết đến -->  
<h2 id="section1">Phần 1</h2>  
<p>Đây là nội dung của phần 1.</p>
```



VÍ DỤ

```
<a href="https://www.example.com" onclick="alert('Bạn đã nhấp vào liên kết!');  
return false;">Liên kết với JavaScript</a>
```

```
<a href="https://www.example.com" onclick="return confirm('Bạn có chắc chắn muốn  
điều hướng đến trang này?');">Liên kết với xác nhận</a>
```



VÍ DỤ

```
<style>
  a {
    color: blue;
    text-decoration: none;
  }
  a:hover {
    color: red;
  }
</style>
<a href="https://www.example.com" title="Mở trang Example">Liên kết với thuộc tính
title</a>
```



VÍ DỤ

```
<style>
  a {
    color: blue;
    text-decoration: none;
  }
  a:hover {
    color: red;
    text-decoration: underline;
  }
</style>
<a href="https://www.example.com">Liên kết được tạo kiểu</a>
```

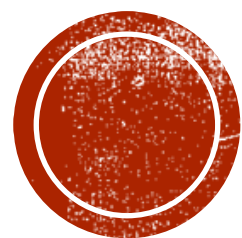


VÍ DỤ

```
<style>
  .button {
    display: inline-block;
    padding: 10px 20px;
    background-color: #4CAF50;
    color: white;
    text-align: center;
    text-decoration: none;
    border-radius: 5px;
  }
  .button:hover {
    background-color: #45a049;
  }
</style>
<a href="https://www.example.com" class="button">Nút liên kết</a>
```

```
<!DOCTYPE html>
<html lang="en">
<head>
  <meta charset="UTF-8">
  <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
  <title>Hiệu ứng thay đổi viền</title>
  <style>
    a {
      color: #8e44ad;
      text-decoration: none;
      border: 2px solid transparent;
      padding: 5px 10px;
    }
    a:hover {
      border: 2px solid #8e44ad;
    }
  </style>
</head>
<body>
  <a href="https://www.example.com">Liên kết với hiệu ứng thay đổi viền</a>
</body>
</html>
```





DANH SÁCH

NHẮC LẠI

Có ba loại danh sách chính trong HTML:

- **Danh sách không thứ tự ()**
- **Danh sách có thứ tự ()**
- **Danh sách định nghĩa (<dl>)**



NHẮC LẠI

```
<ul>  
  <li>Mục 1</li>  
  <li>Mục 2</li>  
  <li>Mục 3</li>  
</ul>
```

- Mục 1
- Mục 2
- Mục 3



NHẮC LẠI

```
<ol>  
  <li>Mục 1</li>  
  <li>Mục 2</li>  
  <li>Mục 3</li>  
</ol>
```

1. Mục 1
2. Mục 2
3. Mục 3



NHẮC LẠI

```
<dl>  
  <dt>Thuật ngữ 1</dt>  
  <dd>Định nghĩa cho thuật ngữ 1</dd>  
  <dt>Thuật ngữ 2</dt>  
  <dd>Định nghĩa cho thuật ngữ 2</dd>  
</dl>
```

Thuật ngữ 1

Định nghĩa cho thuật ngữ 1

Thuật ngữ 2

Định nghĩa cho thuật ngữ 2



LIST-STYLE-TYPE

```
<style>
  ul {
    list-style-type: square; /* Các kiểu khác: disc, circle, none */
  }
</style>
<ul>
  <li>Mục 1</li>
  <li>Mục 2</li>
  <li>Mục 3</li>
</ul>
```



LIST-STYLE-TYPE

```
<style>
  ol {
    list-style-type: upper-roman; /* Các kiểu khác: decimal, lower-alpha, upper-
alpha */
  }
</style>
<ol>
  <li>Mục 1</li>
  <li>Mục 2</li>
  <li>Mục 3</li>
</ol>
```



VÍ DỤ

```
<ul>
  <li>Mục 1
    <ul>
      <li>Mục 1.1</li>
      <li>Mục 1.2</li>
    </ul>
  </li>
  <li>Mục 2</li>
</ul>
```



VÍ DỤ

```
<style>
  ul.custom-list {
    list-style-type: none;
  }
  ul.custom-list li {
    background: url('icon.png') no-repeat left center;
    padding-left: 20px; /* Điều chỉnh khoảng cách để phù hợp với kích thước biểu
tượng */
  }
</style>
<ul class="custom-list">
  <li>Mục 1</li>
  <li>Mục 2</li>
  <li>Mục 3</li>
</ul>
```

```
<!DOCTYPE html>
<html lang="en">
<head>
  <meta charset="UTF-8">
  <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
  <title>Danh sách ngang</title>
  <style>
    ul.horizontal-list {
      list-style-type: none;
      padding: 0;
    }
    ul.horizontal-list li {
      display: inline-block;
      margin-right: 20px;
    }
  </style>
</head>
<body>
  <ul class="horizontal-list">
    <li>Mục 1</li>
    <li>Mục 2</li>
    <li>Mục 3</li>
  </ul>
</body>
</html>
```

Mục 1 Mục 2 Mục 3




```
<!DOCTYPE html>
<html lang="en">
<head>
  <meta charset="UTF-8">
  <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
  <title>Danh sách với hiệu ứng hover</title>
  <style>
    ul.hover-list {
      list-style-type: none;
      padding: 0;
    }
    ul.hover-list li {
      padding: 10px;
      background-color: #f0f0f0;
      margin-bottom: 5px;
    }
    ul.hover-list li:hover {
      background-color: #dcdcdc;
    }
  </style>
</head>
<body>
  <ul class="hover-list">
    <li>Mục 1</li>
    <li>Mục 2</li>
    <li>Mục 3</li>
  </ul>
</body>
</html>
```

Mục 1

Mục 2

Mục 3



```
<!DOCTYPE html>
<html lang="en">
<head>
  <meta charset="UTF-8">
  <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
  <title>Danh sách đánh số có 2 chữ số</title>
  <style>
    ul {
      counter-reset: item;
      list-style-type: none;
    }
    ul li {
      counter-increment: item;
      margin-bottom: 10px;
    }
    ul li::before {
      content: counter(item, decimal-leading-zero) ". ";
      font-weight: bold;
      margin-right: 5px;
    }
  </style>
</head>
<body>
  <ul>
    <li>Mục 1</li>
    <li>Mục 2</li>
    <li>Mục 3</li>
    <li>Mục 4</li>
    <li>Mục 5</li>
  </ul>
</body>
</html>
```

01. Mục 1

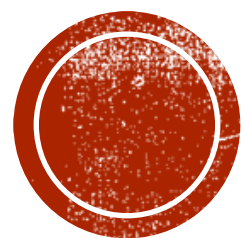
02. Mục 2

03. Mục 3

04. Mục 4

05. Mục 5





BẢNG

CƠ BẢN

Một bảng HTML cơ bản bao gồm các thẻ <table>, <tr>, <th> và <td>.

- **<table>**: được sử dụng để bắt đầu và kết thúc một bảng.

```
<table>  
  <!-- Nội dung bảng -->  
</table>
```



CƠ BẢN

Một bảng HTML cơ bản bao gồm các thẻ `<table>`, `<tr>`, `<th>` và `<td>`.

- **`<tr>`**: được sử dụng để xác định một hàng trong bảng.

```
<table>
  <tr>
    <!-- Các ô trong hàng -->
  </tr>
</table>
```



CƠ BẢN

Một bảng HTML cơ bản bao gồm các thẻ `<table>`, `<tr>`, `<th>` và `<td>`.

- **<th>**: được sử dụng để xác định một ô tiêu đề trong bảng. Các ô tiêu đề thường nằm trong hàng đầu tiên của bảng và được hiển thị dưới dạng in đậm.

```
<table>
  <tr>
    <th>Tiêu đề 1</th>
    <th>Tiêu đề 2</th>
    <th>Tiêu đề 3</th>
  </tr>
</table>
```



CƠ BẢN

Một bảng HTML cơ bản bao gồm các thẻ `<table>`, `<tr>`, `<th>` và `<td>`.

- **`<td>`**: được sử dụng để xác định một ô dữ liệu trong bảng.

```
<table>
  <tr>
    <td>Dữ liệu 1</td>
    <td>Dữ liệu 2</td>
    <td>Dữ liệu 3</td>
  </tr>
</table>
```



```
<!DOCTYPE html>
<html lang="en">
<head>
  <meta charset="UTF-8">
  <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
  <title>Bảng cơ bản</title>
</head>
<body>
  <table border="1">
    <tr>
      <th>Tiêu đề 1</th>
      <th>Tiêu đề 2</th>
      <th>Tiêu đề 3</th>
    </tr>
    <tr>
      <td>Dữ liệu 1</td>
      <td>Dữ liệu 2</td>
      <td>Dữ liệu 3</td>
    </tr>
    <tr>
      <td>Dữ liệu 4</td>
      <td>Dữ liệu 5</td>
      <td>Dữ liệu 6</td>
    </tr>
  </table>
</body>
</html>
```

Tiêu đề 1	Tiêu đề 2	Tiêu đề 3
Dữ liệu 1	Dữ liệu 2	Dữ liệu 3
Dữ liệu 4	Dữ liệu 5	Dữ liệu 6




```

<style>
  table {
    width: 100%;
    border-collapse: collapse;
  }
  th,td {
    border: 1px solid #ddd;
    padding: 8px;
  }
  th {
    background-color: #f2f2f2;
    text-align: left;
  }
  tr:nth-child(even) {
    background-color: #f9f9f9;
  }
  tr:hover {
    background-color: #ddd;
  }
</style>

```

```

<table>
  <tr>
    <th>Tiêu đề 1</th>
    <th>Tiêu đề 2</th>
    <th>Tiêu đề 3</th>
  </tr>
  <tr>
    <td>Dữ liệu 1</td>
    <td>Dữ liệu 2</td>
    <td>Dữ liệu 3</td>
  </tr>
  <tr>
    <td>Dữ liệu 4</td>
    <td>Dữ liệu 5</td>
    <td>Dữ liệu 6</td>
  </tr>
</table>

```

Tiêu đề 1	Tiêu đề 2	Tiêu đề 3
Dữ liệu 1	Dữ liệu 2	Dữ liệu 3
Dữ liệu 4	Dữ liệu 5	Dữ liệu 6



```

<style>
  table {
    width: 100%;
    border-collapse: collapse;
  }
  th, td {
    border: 1px solid #ddd;
    padding: 8px;
  }
  th {
    background-color: #f2f2f2;
    text-align: left;
  }
  tr:nth-child(even) {
    background-color: #f9f9f9;
  }
  tr:hover {
    background-color: #ddd;
  }
</style>

```

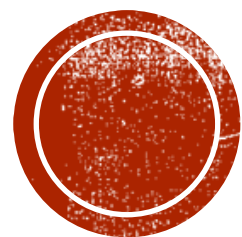
```

<table>
  <tr>
    <th>Tiêu đề 1</th>
    <th>Tiêu đề 2</th>
    <th>Tiêu đề 3</th>
  </tr>
  <tr>
    <td rowspan="2">Dữ liệu hợp nhất hàng</td>
    <td>Dữ liệu 2</td>
    <td>Dữ liệu 3</td>
  </tr>
  <tr>
    <td>Dữ liệu 5</td>
    <td>Dữ liệu 6</td>
  </tr>
  <tr>
    <td>Dữ liệu 7</td>
    <td colspan="2">Dữ liệu hợp nhất cột</td>
  </tr>
</table>

```

Tiêu đề 1	Tiêu đề 2	Tiêu đề 3
Dữ liệu hợp nhất hàng	Dữ liệu 2	Dữ liệu 3
	Dữ liệu 5	Dữ liệu 6
Dữ liệu 7	Dữ liệu hợp nhất cột	





ÔN TẬP

Thẻ <a> trong HTML được sử dụng để làm gì?

- A. Tạo bảng
- B. Tạo danh sách
- C. Tạo liên kết
- D. Tạo tiêu đề

LIÊN KẾT



Thuộc tính target="_blank" của thẻ <a> có tác dụng gì?

- A. Mở liên kết trong cùng một khung
- B. Mở liên kết trong tab mới
- C. Mở liên kết trong khung cha
- D. Mở liên kết trong toàn bộ cửa sổ

LIÊN KẾT



Thẻ HTML nào được sử dụng để tạo danh sách không thứ tự?

- A.
- B.
- C.
- D. <dl>

DANH SÁCH



Thuộc tính CSS nào được sử dụng để thay đổi kiểu dấu đầu dòng của danh sách?

- A. list-style-type
- B. text-decoration
- C. background
- D. font-style

DANH SÁCH



Thuộc tính CSS nào được sử dụng để thay đổi kiểu dấu đầu dòng của danh sách không thứ tự thành hình ảnh tùy chỉnh?

- A. list-style-image
- B. background-image
- C. content
- D. list-style-type

DANH SÁCH



Làm thế nào để tạo một danh sách có thứ tự với các số thứ tự bắt đầu từ 5?

- A. Sử dụng thuộc tính start trong thẻ
- B. Sử dụng thuộc tính value trong thẻ
- C. Sử dụng thuộc tính type trong thẻ
- D. Sử dụng thuộc tính list-style-type trong CSS

DANH SÁCH



Thẻ HTML nào được sử dụng để xác định một hàng trong bảng?

- A. <table>
- B. <tr>
- C. <th>
- D. <td>

BẢNG



Thuộc tính nào được sử dụng để hợp nhất các ô trong bảng theo hàng?

- A. colspan
- B. rowspan
- C. border
- D. padding

BẢNG



```
<ol start="5">  
  <li>Mục 5</li>  
  <li>Mục 6</li>  
  <li>Mục 7</li>  
</ol>
```

NÂNG CAO




```
<ul class="horizontal-list">
  <li>Mục 1</li>
  <li>Mục 2</li>
  <li>Mục 3</li>
</ul>
<style>
  ul.horizontal-list {
    list-style-type: none;
    padding: 0;
  }
  ul.horizontal-list li {
    display: inline-block;
    margin-right: 20px;
  }
</style>
```

NÂNG CAO



```
<ul class="hover-list">
  <li>Mục 1</li>
  <li>Mục 2</li>
  <li>Mục 3</li>
</ul>
<style>
  ul.hover-list {
    list-style-type: none;
    padding: 0;
  }
  ul.hover-list li {
    padding: 10px;
    background-color: #f0f0f0;
    margin-bottom: 5px;
  }
  ul.hover-list li:hover {
    background-color: #dcdcdc;
  }
</style>
```

NÂNG CAO



```
<table>
  <thead>
    <tr>
      <th>Tiêu đề 1</th>
      <th>Tiêu đề 2</th>
      <th>Tiêu đề 3</th>
    </tr>
  </thead>
  <tbody>
    <tr>
      <td>Dữ liệu 1</td>
      <td>Dữ liệu 2</td>
      <td>Dữ liệu 3</td>
    </tr>
  </tbody>
  <tfoot>
    <tr>
      <td>Tổng cộng 1</td>
      <td>Tổng cộng 2</td>
      <td>Tổng cộng 3</td>
    </tr>
  </tfoot>
</table>
```

NÂNG CAO



```
<table>
  <tr>
    <th>Tiêu đề 1</th>
    <th>Tiêu đề 2</th>
    <th>Tiêu đề 3</th>
  </tr>
  <tr>
    <td rowspan="2">Dữ liệu hợp nhất hàng</td>
    <td>Dữ liệu 2</td>
    <td>Dữ liệu 3</td>
  </tr>
  <tr>
    <td>Dữ liệu 5</td>
    <td>Dữ liệu 6</td>
  </tr>
</table>
```

NÂNG CAO




```

<style>
  table {
    width: 100%;
    border-collapse: collapse;
    margin: 20px 0;
    font-size: 18px;
    text-align: left;
  }
  th, td {
    border: 1px solid #ddd;
    padding: 12px;
  }
  th {
    background-color: #4CAF50;
    color: white;
  }
  tr:nth-child(even) {
    background-color: #f2f2f2;
  }
  tr:hover {
    background-color: #ddd;
  }
  tfoot {
    background-color: #f2f2f2;
    font-weight: bold;
  }
  colgroup col:first-child {
    background-color: #f2f2f2;
  }
  colgroup col:nth-child(2) {
    background-color: #e6e6e6;
  }
  colgroup col:nth-child(3) {
    background-color: #f2f2f2;
  }
</style>

```

```

<table>
  <caption>Tiêu đề của bảng</caption>
  <colgroup>
    <col>
    <col>
    <col>
  </colgroup>
  <thead>
    <tr>
      <th>Tiêu đề 1</th>
      <th>Tiêu đề 2</th>
      <th>Tiêu đề 3</th>
    </tr>
  </thead>
  <tbody>
    <tr>
      <td rowspan="2">Dữ liệu hợp nhất hàng</td>
      <td>Dữ liệu 2</td>
      <td>Dữ liệu 3</td>
    </tr>
    <tr>
      <td>Dữ liệu 5</td>
      <td>Dữ liệu 6</td>
    </tr>
    <tr>
      <td>Dữ liệu 7</td>
      <td colspan="2">Dữ liệu hợp nhất cột</td>
    </tr>
  </tbody>
  <tfoot>
    <tr>
      <td>Tổng cộng 1</td>
      <td>Tổng cộng 2</td>
      <td>Tổng cộng 3</td>
    </tr>
  </tfoot>
</table>

```

NÂNG CAO



HTML VÀ CSS

02 – liên kết, danh sách, bảng

